TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 223/2019/QĐST-HNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 19 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 761/2019/TLST-VHNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Ông Trần Tấn P, sinh năm 1990;

Địa chỉ: đường Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

2. Bà Trần Thụy Như T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: đường Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tấn P và bà Trần Thụy Như T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Trần Tấn P và bà Trần Thụy Như T xác định có 02 con chung tên là Trần Ngọc Phương L, sinh ngày 22/7/2011 và Trần Phúc Gia H, sinh ngày 10/7/2014. Trên cơ sở thỏa thuận của ông P và bà T (thống nhất với nguyện vọng của con): bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L và H. Ông P cấp dưỡng nuôi cháu L 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng và cấp dưỡng nuôi cháu H 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực đến khi cháu L và H đủ 18 tuổi. Ông P được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được phép cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[3].Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về Lệ phí Tòa án: Ông P và bà T mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tấn P và bà Trần Thụy Như T thuận tình ly hôn

- Về con chung: Bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Phương L, sinh ngày 22/7/2011 và Trần Phúc Gia H, sinh ngày 10/7/2014. Ông P cấp dưỡng nuôi cháu L 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng và cấp dưỡng nuôi cháu H 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực đến khi cháu L và H đủ 18 tuổi. Ông P được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được phép cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ, thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông P và bà T mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0001073 và biên lai số 0001074 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông P và bà T đã nộp xong lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Vũng Tàu;

THẨM PHÁN

- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;
- TAND tỉnh BR-VT;
- UBND P. Thắng Nhì, TP.VT;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thanh Mai